|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THCS VÀ THPT**  **NGỌC VIỄN ĐÔNG**  ĐỀ CHÍNH THỨC | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  Năm học: 2021 – 2022  Môn: Hóa học - Lớp: 8  Thời gian: 45 phút *(không tính thời gian phát đề)*  Mã đề: 002 |

**Họ và tên thí sinh:.............................................................. Lớp:............... SBD: ………..**

**TRẮC NGHIỆM (10,0 điểm). Chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:**

**Câu 1:** Khí lưu huỳnh đioxit SO2 nặng hay nhẹ hơn khí oxi bao nhiêu lần?

**A**. Nặng hơn 2 lần. **B**. Nặng hơn 4 lần.

**C**. Nhẹ hơn 2 lần. **D**. Nhẹ hơn 4 lần.

**Câu 2:** Phản ứng nào sau đây được cân bằng chưa đúng?

**A**. CaO + H2O → Ca(OH)2 **B**. S + O2 → SO2

**C**. NaOH + HCl → NaCl+ H2O **D**. Cu(OH)2 + 2HCl → CuCl2 + H2O

**Câu 3:** Số mol của 11,2g Fe là

**A**. 0,1mol **B**. 0,2 mol **C**. 0,21 mol **D**. 0,12 mol

**Câu 4:** Để chỉ 3 phân tử Oxi ta viết:

**A**. 3O **B**. O3 **C**. 3O2 **D**. 2O3

**Câu 5:** Dãy chất nào sau đây chỉ kim loại?

**A**. Đồng, Bạc, Nhôm, Magie **B**. Sắt, Lưu huỳnh, Cacbon, Nhôm

**C**. Cacbon, Lưu huỳnh, Photpho, Oxi **D**. Bạc, Oxi, Sắt, Nhôm

**Câu 6:** Tính chất nào sau đây cho ta biết đó là chất tinh khiết?

**A**. Không màu, không mùi. **B**. Có vị ngọt, mặn hoặc chua.

**C**. Không tan trong nước. **D**. Khi đun thấy sôi ở nhiệt độ xác định

**Câu 7:** Hạt nhân nguyên tử được tạo bởi các loại hạt:

**A**. Proton, nơtron **B**. Proton, electron.

**C**. Electron. **D**. Electron, nơtron

**Câu 8:** Cho phương trình hóa học sau SO3 + H2O 🡪 H2SO4, Chất tham gia là:

**A**. SO3, H2SO4 **B**. H2SO4 **C**. H2O, H2SO4 **D**. SO3, H2O

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây **không đúng** về phản ứng hóa học?

**A**. Phản ứng hóa học xảy ra sự thay đổi liên kết giữa các nguyên tử

**B**. Khi phản ứng hóa học xảy ra, lượng chất tham gia tăng dần theo thời gian phản ứng.

**C.** Một số phản ứng hóa học cần xúc tác để phản ứng xảy ra nhanh hơn.

**D**. Chất kết tủa hoặc chất khí bay lên là dấu hiệu thể hiện phản ứng hóa học xảy ra.

**Câu 10:** Đốt cháy 12,8 g bột đồng trong không khí, thu được 16g đồng (II) oxit CuO. Khối lượng của oxi tham gia phản ứng là:

**A**. 1,6g. **B**. 3,2 g. **C**. 6,4 g. **D**. 28,8 g.

**Câu 11:** Cho các khí sau: N2, H2, CO, SO2, khí nào nặng hơn không khí ?

**A**. Khí N2 **B**. Khí H2 **C**. Khí CO **D**. Khí SO2

**Câu 12:** Đun nóng đường, đường chảy lỏng. Đây là hiện tượng:

**A**. Vật lý **B**. Hóa học **C**. Sinh học **D**. Tự nhiên

**Câu 13:** “Chất biến đổi trong phản ứng là.........., còn chất mới sinh ra gọi là.........”

**A**. Chất xúc tác – sản phẩm **B**. Chất tham gia – chất phản ứng

**C**. Chất phản ứng (chất tham gia) – sản phẩm **D**. Chất xúc tác – chất tạo thành

**Câu 14:** Cho PTHH 4Al + 3O2 → 2Al2O3.

Tỷ lệ số nguyên tử nhôm kết hợp với phân tử oxi là:

**A**. 2:3 **B**. 4:3 **C**. 1:2 **D**. 4:6

**Câu 15:** Tỉ khối của khí A đối với khí nitơ (N2) là 1,675 .Vậy khối lượng mol của khí A tương đương:

**A**. 45g **B**. 46g **C**. 47g **D**. 48g

**Câu 16:** Dãy nào gồm các chất là hợp chất?

**A**. CaO; Cl2; CO; CO2  **B**. Cl2; N2; Mg; Al

**C**. CO2; NaCl; CaCO3; H2O **D**. Cl2; CO2; Ca(OH)2; CaSO4

**Câu 17:** Hóa trị của Nitơ trong hợp chất đi nitơ oxit (N2O) là:

**A**. I **B**. II **C**. IV **D**. V

**Câu 18:** Khối lượng của 0,1 mol kim loại magie là:

**A**. 0,24 gam **B**. 1,2 gam **C**. 2,4 gam **D**. 0,48 gam

**Câu 19:** Cho phương trình hóa học sau:

O2(khí) + 2H2(khí) t° 2H2O(khí)  
 1V             2V 2V

Khi ở cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất, để đốt cháy hết 2 phần thể tích khí hydro thì cần lấy mấy phần thể tích khí oxi?

**A**. 1 phần thể tích **B**. 2 phần thể tích

**C**. 3 phần thể tích **D**. 4 phần thể tích

**Câu 20:** Cho phương trình: Cu + O2 → CuO. Phương trình cân bằng đúng là:

**A**. 2Cu + O2 → CuO **B**.  Cu + O2 → 2CuO

**C**. 2Cu + 2O2→ 4CuO **D**. 2Cu + O2 → 2CuO

**Câu 21:** . Cho phương trình hóa học sau: C + O2 → CO2. Tỉ lệ số mol nguyên tử của C phản ứng với số mol phân tử oxi là:

**A**. 1 : 2 **B**. 1: 4 **C**. 2: 1 **D**. 1: 1

**Câu 22:** Các nguyên tử của cùng một nguyên tố hóa học có cùng:

**A**. Số proton trong hạt nhân. **B**. Số nơtron

**C**. Số điện tử trong hạt nhân **D**. Khối lượng

**Câu 23:** Phân tử khối của C2H5OH là:

**A**. 64 đvC **B**. 46 đvC **C**. 64 g **D**. 46 g

**Câu 24:** Hằng số Avogadro và ký hiệu là:

**A**. 6.1023, ký hiệu A **B**. 6.10-23, A

**C**. 6.1023, ký hiệu N **D**. 6.10-24, ký hiệu N

**Câu 25:** Dựa vào tỷ khối các khí H2, CO2, Cl2, O2 so với không khí, em hãy đề xuất bình thu các khí nên để úp là:

**A**. H2, Cl2, O2 **B**. H2, CO2, O2

**C**. H2, CO2, Cl2, **D**. CO2, Cl2, O2

**Câu 26:** Thành phần phần trăm theo khối lượng của nguyên tố S trong hợp chất SO2 là:

**A**. 40% **B**. 60% **C**. 20% **D**. 50%

**Câu 27:** Hòa tan 3,6 gam Mg vào 10,95 gam axit clohidric HCl thu được magie clorua MgCl2 và 0,6 g H2. Tính khối lượng của magie clorua?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 13,95 gam | **B**. 27,9 gam | **C.** 14,5 gam | **D**. 9,67 gam |

**Câu 28:** Từ công thức hóa học Fe(NO3)2 cho biết ý nghĩa nào đúng?

(1) Hợp chất do 3 nguyên tố Fe, N, O tạo nên

(2) Hợp chất do 3 nguyên tử Fe, N, O tạo nên

(3) Trong 1 phân tử có 1 nguyên tử Fe, 2 nguyên tử N và 3 nguyên tử O

(4) Phân tử khối bằng: 56 + 14.2 + 16.6 = 180 đvC

**A**. (1), (3), (4) **B**. (2), (4) **C**. (1), (4) **D**. (2), (3), (4)

**Câu 29:** Khí nitơ tác dụng với khi hidro tạo thành khí amoniac NH3. Phương trình hóa học của phản ứng trên là:

**A**. N + 3H → NH3 **B**. N2+ 6H → 2NH3

**C**. N2 + 3H2 → 2NH3 **D**. N2 + H2 → NH3

**Câu 30:** Biết Ca (II) và PO4(III) vậy công thức hóa học đúng là

**A**. CaPO4 **B**. Ca3PO4 **C**. Ca3(PO4)2 **D**. Ca(PO4)2

**Câu 31:** Trong công thức hóa học của hiđrô sunfua (H2S) và khí sunfurơ (SO2), hóa trị của lưu huỳnh lần lượt là:

**A**. I và II **B**. II và IV **C**. II và VI. **D**. IV và VI

**Câu 32:** Chất nào dưới đây là đơn chất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. Muối ăn | **B**. Khí oxi | **C**. Đường | **D**. Nước ngọt |

**Câu 33:** Cho các chất có công thức hóa học sau: Na, O3, CO2, Cl2, NaNO3, SO3. Dãy công thức gồm các đơn chất là:

**A**. Na, O3, Cl2 **B**. CO2, NaNO3, SO3

**C**. Na, Cl2, CO2 **D**. Na, Cl2, SO3

***\* Cho các chuyển đổi sau:***

1. Bóng đèn phát sáng, kèm theo tỏa nhiệt.

2. Đun nóng đường, đường chảy rồi chuyển màu đen, có mùi hắc.

3. Nhôm nung nóng chảy để đúc xoong, nồi....

4. Nước đun sôi để vào ngăn đá tủ lạnh, sau đó thấy nước đông cứng

5. Hòa tan một ít vôi sống vào nước

6. Trứng để lâu ngày sẽ bị thối.

**Câu 34:** Trong các chuyển đổi trên, hiện tượng hóa học là:

**A**. 2, 5, 6 **B**. 1, 4, 6 **C**. 1, 3, 4 **D**. 2, 4, 6

**Câu 35:** Trong các chuyển đổi trên, hiện tượng vật lý là:

1. 1, 3, 5 **B**. 1, 2, 6 **C**. 1, 3, 4 **D**. 2, 5, 6

(Biết Fe = 56, Mg = 24, N = 14, S = 32, O = 16, C = 12, H = 1, Cl = 35,5)

------------------- HẾT --------------------